

8. KINH THẮT NHẬT¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Bệ-xá-li², trong rừng cây Nại thị³.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa⁴. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải ghê sợ nhỡm tởm, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế, vì có lúc không mưa⁵. Ngay khi không mưa ấy tất cả cây cối, trăm thứ lúa, thấy đều khô héo, đổ nát, chết cả, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhỡm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện, các rãnh ngòi, sông lạch, thấy đều khô cạn, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhỡm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, lúc có ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện, tất cả dòng sông lớn⁶ đều khô cạn, không thể thường trụ. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhỡm tởm ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc bốn mặt trời cùng xuất hiện. Khi bốn mặt trời xuất hiện, các dòng suối lớn, từ đó phát nguyên năm con sông lớn của châu Diêm-phù: Một là Hằng-già; hai là Dao-vưu-na; ba là Xá-lao-phu; bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí⁷, các dòng cuối nguồn

1. Về bảy mặt trời xuất hiện. Tương đương Pāli: A. VII. 62 Suriya (Satta-suriya). Biệt dịch, No.30 Phật Thuyết Tát-bát-đa tô-rị-du-nại-dã Kinh, Tổng, Pháp hiển dịch (Đại 1, tr.811); No.125 (40.1) Tăng Nhất 34, “Thất Nhật Phẩm, kinh số 1”.

2. Bệ-xá-li; Pāli: Vesali. Thủ phủ của bộ tộc Licchava.

3. Nại thị thọ viên -U- - - - -Avườn cây của họ Nại, tức vườn xoài, Pāli: Ambapālivāna, do kỹ nữ Ambapāli cúng dường Phật.

4. Hán: vô thường -L- - - - -Abất cửu trụ pháp - - - - -[- - - - -k-Atốc biến dịch pháp -t - - - - -k-A bất khả ý pháp - - - - -i - - - - -k-C Pāli: anicca, adhuva, anassāsika.

5. Hán: hữu thời bất vũ - - - - -B- - - - -Fđây chỉ đại hạn vào lúc tận thế. Pāli: hoti kho so, bhikkhave, samayo yaṃ kadāci karahaci dīghassa addhuno accayena bahūni vassāni bahūni vassatāni bahūni vassasahassāni bahūni vassasatasahassāni devo na vassati, “Này các Tỳ-kheo, có một thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều nghìn năm, trời không mưa”.

6. Bản Pāli liệt kê bốn sông lớn: Gaṃgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū.

7. Diêm-phù châu ngũ hà -F-B-w- - - - -e-RHằng-già - - - - - (Pāli: Gaṃga), Dao-vưu-na -n- - - - - (Pāli: Yamunā),

nước lớn ấy đều khô cạn cả, không thể thường trụ. Do đó các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa, các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, có lúc năm mặt trời cùng xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt xuống một trăm do-diên⁸; sụt dần đến bảy trăm do-diên. Khi năm mặt trời xuất hiện như vậy, biển có mực nước bảy trăm do-diên sụt dần đến một trăm do-diên. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt một cây Đa-la; sụt dần đến bảy cây Đa-la⁹. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy cây Đa-la sụt dần cho đến một cây Đa-la. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước biển giảm sụt đến mười người¹⁰; sụt dần cho đến bảy người. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, những biển có mực nước bảy người giảm dần đến vai, đến lưng, đến háng, đến đầu gối, đến mắt cá; cho đến lúc nước biển ráo hết không đủ chìm một ngón chân. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp chẳng thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhàm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di¹¹, thấy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp, tất cả đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Cho nên tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di thấy đều phụt cháy bùng bùng, tạo thành một ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, thì tất cả đại địa và núi chúa Tu di thấy đều phụt cháy bùng bùng tạo thành một ngọn lửa. Gió thổi ngọn lửa ấy vươn cho đến trời Phạm thiên¹². Lúc đó các vị trời Hoảng dục¹³ vừa mới sanh lên cõi này, không rõ thành bại của thế gian. Vì không biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, đều sợ hãi dựng lông mà suy nghĩ như thế này ‘Lửa không đến đây được chăng? Lửa không đến đây được chăng?’ Các vị trời sinh trước đều biết rõ sự thành bại của thế gian, đều đã thấy việc thành bại của thế gian. Do biết sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, liền an ủi các vị trời kia rằng: ‘Chớ nên sợ hãi. Lửa cháy chỉ ngang đó, không thể lên đến đây được’.

“Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di sụp lở, tán hoại, diệt tận, một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả.

Xá-lao-phu —B (Pāli: Sarabhū), A-di-la-bà-đề —i—C— (Pāli: Aciravati), Ma-xí — (Pāli: Mahī). Bản Pāli liệt kê các hồ lớn, phát nguyên của các sông lớn. Các hồ lớn: Anotattā, Sihapapātā, Rathakārā, Kannamunda, Kunalā, Chaḍantā, Mandakinī.

⁸. Hán: *do-diên* — cũng nói là *do-tuần* —CPāli: yojana, dài khoảng bảy dặm Anh.

⁹. Hán: *đa-la thợ* —h— . Cùng loại cây thốt nốt hay cây cọ, dùng làm đơn vị đo chiều cao.

¹⁰. Các bản Tống-Nguyên-Minh: *thập nhân* —Q—Fbản Cao-ly: *nhất nhân* —@—H—C Nghĩa là bằng chiều cao một người trung bình.

¹¹. Hán: *Tu di sơn vương* —s—C Pāli: Sineru pabbatarājā.

¹². Hán: *Phạm thiên* —A tầng thứ nhất thuộc Sơ thiên. Pāli: Brāhma-loka, Phạm thiên giới. No.30: Lửa đốt cháy cả cõi trời sơ thiên, ngọn lửa ngang đến cõi trời Nhị thiên.

¹³. Hán: *Hoảng dục chư thiên* —R—Acũng gọi là *Quang âm thiên* —, hay *Cực quang thiên* —C—Tầng thứ ba thuộc Nhị thiên. Pāli: Ābhassarā.

Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết không còn khói đen¹⁴. Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và cõi đại địa này cháy không còn tro than. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhỡm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm cầu giải thoát.

“Nay Ta nói cho các người biết, ai có thể tin được rằng: ‘Núi chúa Tu di sẽ sụp đổ?’ Chỉ có những người thấy được sự thật¹⁵. Nay Ta nói cho các người biết, ai có thể tin được rằng: ‘Nước trong đại hải sẽ khô cạn tất cả?’ Chỉ có những người đã thấy sự thật. Nay Ta nói cho các người biết ai có thể tin rằng: ‘Tất cả đại địa đều cháy sạch?’ Chỉ có những người đã thấy sự thật. Vì sao vậy?

“Này các Tỳ-kheo, xưa có vị đại sư tên là Thiện Nhân¹⁶ được các tiên nhân ngoại đạo tôn làm bậc thầy¹⁷, đã xả ly dục ái¹⁸, chứng như ý túc¹⁹. Đại sư Thiện Nhân có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử²⁰. Khi đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diệm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà hoặc sanh lên trời Tha hóa, hoặc sanh lên trời Tha hóa lạc²¹.

“Khi đại sư Thiện Nhân dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất²², xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc ấy đại sư Thiện Nhân nghĩ như vậy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ²³, sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục²⁴’.

“Đại sư Thiện Nhân liền sau đó tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sanh lên trời Hoảng dục. Đại sư Thiện Nhân và các đệ tử học đạo không uổng công, đạt được quả báo lớn.

“Này các Tỳ-kheo, các người nghĩ sao? Xưa kia đại sư Thiện Nhân được hàng tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc, các người cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó, Ta là Thiện Nhân đại sư, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc; lúc đó ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy

14. Hán: *yên mạc* ——C Các bản Tống-Nguyên-Minh: *yên diệm* ——K-C No.30: Đốt đèn bằng dầu tồ (bơ), cháy đến hết; đèn tắt thì dầu cũng cạn sạch.

15. Hán: *duy kiến đế giả* ——Pāli: aññatra diṭṭhapadehi, ngoại trừ những người nhìn thấy tận mắt.

16. Thiện Nhân ——C Pāli: Sunetta.

17. Pāli: satthā... tiṭṭhako, vị Đạo sư thuộc ngoại đạo.

18. Pāli: kāmesu vītarāgo, không còn ham muốn trong các tình dục.

19. Túc có phép thần thông. Pāli không có chi tiết này.

20. Pāli: Brahmālokaśāhavyatāya dhammaṃ desesi, “giảng dạy pháp về sự cộng trú với Phạm thiên giới”.

21. Tứ vương thiên —|——(Pāli: Cātummahārājikā devā), Tam thập tam thiên —T-Q-T— (Tāvātimsa), Diệm-ma thiên —F——(Pāli: Yāma), Đâu-suất-đà thiên ——v-h—(Tusita), Tha hóa thiên —L——(Nimmānāraṭi), Tha hóa lạc thiên —L——(Paranimmita-vasavatin).

22. Hán: (tứ) *Phạm thất* ——A cũng gọi là Phạm trụ ——hay Phạm đường ——, tức bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ và xả. Pāli: Brahmavihāra.

23. Hán: *tăng thượng từ* —W-W-O—C Pāli: uttari mettā, từ cao hơn.

24. Xem cht.13.

sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diêm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Tha hóa. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó Ta nghĩ như vậy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng tử. Sau khi tu tăng thượng tử, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục’. Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng. Sau khi tu tăng thượng tử, mạng chung được sanh lên trời Hoảng dục. Thời ấy Ta và các đệ tử học đạo không hư uổng, được quả báo lớn.

“Thời ấy Ta thân hành đạo này để lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm cầu nghĩa, và sự lợi ích, tìm sự an ổn và khoái lạc. Lúc bấy giờ Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo; không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ Ta không xa lìa được, sanh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu; cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nay xuất hiện ở đời, là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự²⁵, Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là Đấng Chúng Hựu²⁶.

“Ta nay đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt được chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, Ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não”.

Đức Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.



²⁵. Hán: *Đạo Pháp Ngự* -D-k-s=Athường nói là “*Điều Ngự Trượng Phu* ---s -V—”. Pāli: purisadammasārathi.

²⁶. Hán: *Chúng Hựu* —A tức Thế Tôn. Pāli: Bhagavant.